TÒA ÁN NHÂN DÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Hạnh;
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T; sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ; sinh năm 1985.

Đều có địa chỉ: Xóm 8, xã A, huyện B, tỉnh C.

Tại phiên tòa: Chị T và anh Đ đều xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018, bản tự khai ngày 15/3/2018 và các văn bản khác có trong hồ sơ nguyên đơn là chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ tự do tự nguyện tìm hiểu, quyết định kết hôn với nhau và được UBND xã A, huyện B, tỉnh C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2009. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, vợ chồng ít quan tâm đến nhau do anh Đ đi xuất khẩu lao động và có người phụ nữ khác. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 10/2016 cho tới nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với

nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đoàn Hải N sinh ngày 14/01/2011 và Phạm Đoàn Vân K sinh ngày 27/10/2012. Nguyện vọng của chị là được nuôi cháu Phạm Đoàn Vân K và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, ruộng nhận khoán của HTX, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 15/03/2018, phiên hòa giải ngày 16/3/2018 và bản tự khai bổ sung ngày 29/5/2018, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của chị T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng đôi lúc chưa hiểu ý nhau và bất đồng quan điểm sống. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị Đoàn Thị T đề nghị ly hôn, anh không nhất trí.

Về con: Anh Đ trình bày vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đoàn Hải N sinh ngày 14/01/2011 và Phạm Đoàn Vân K sinh ngày 27/10/2012. Nguyện vọng của anh là muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành còn nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh để cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng và về mức cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng nhận khoán của hợp tác xã nông nghiệp: Anh Đ trình bày ý kiến vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2018, cháu Phạm Đoàn Hải N trình bày : *" Cháu muốn được ở cùng bố mẹ. Cháu không muốn bố mẹ phải xa nhau".*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Đoàn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Phạm Văn Đ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã A, huyện B, tỉnh C. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

Nguyên đơn là chị Đoàn Thị T và bị đơn là anh Phạm Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B ngày 26/10/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, trong thời gian từ năm 2013 – 2016, anh Đ đi xuất khẩu lao động, vợ chồng ít quan tâm tới nhau do anh Đ có người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng của chị T xin ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đoàn Hải N sinh ngày 14/01/2011 và Phạm Đoàn Vân K sinh ngày 27/10/2012. Hiện nay, cháu N đang ở cùng ông bà nội; cháu K đang ở cùng chị T.

Xét thấy chị T và anh Đ đều có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Để Đ bảo ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của cháu N và cháu K nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Phạm Đoàn Hải Nam cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Đoàn Vân K cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung; ruộng khoán HTX nông nghiệp cũng như các mối quan hệ khác về tài sản các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử ly hôn giữa Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đoàn Vân K sinh ngày 27/10/2012; giao cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đoàn Hải N sinh ngày 14/01/2011 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị

Đoàn Thị T và anh Phạm Văn Đ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 07767 ngày 27 tháng 02 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T và anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau về việc thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chị cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phạm Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Hùng Hạnh **Nguyễn Thanh Bình** **Phạm Quốc Tuấn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chị cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Quốc Tuấn